

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2020/HS-PT  
Ngày: 17.12.2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Minh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Anh Sơn và bà Trần Thị Mỹ Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Như Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 204/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo Lê Thị V và Lê Quang G do có kháng cáo của các bị cáo Lê Thị V và Lê Quang G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 368/2020/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Lê Thị V; Sinh ngày: 08 tháng 02 năm 1981 tại tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú: Bản Cửa Rào 1, xã Xá L, huyện T, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: Khu đô thị mới Cửa Tiền, phường Vinh T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Dược sỹ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Trọng L và bà Nguyễn Thị B; Chồng: Lê Quang G, sinh năm 1973; Có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê Quang G; tên gọi khác: Lê Như G; Sinh ngày: 01 tháng 6 năm 1973 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, xã Hương L, huyện Hương K, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở: Khu đô thị mới Cửa Tiền, phường Vinh T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới

tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Hải C và bà Phạm Thị Q; Vợ: Lê Thị V, sinh năm 1981; Có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra còn có bị hại không có kháng cáo.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/5/2019, anh trai của anh Hoàng Văn C là Hoàng Văn P, trú ở xóm Bờ Tắc, xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, làm nghề khai thác vàng tại xã Yên Tĩnh, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, bị Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An bắt quả tang và tạm giữ hình sự về hành vi “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ”.

Ngày 23/5/2019, anh Hoàng Văn C có nhờ anh Mông Văn Đ, trú ở thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, hỏi xem có quen ai để xin cho anh trai được tại ngoại, thì anh Đông cho anh C số điện thoại của Lê Quang G và bảo anh C liên hệ với Lê Quang G nhờ G giúp cho. Sau đó, anh C liên lạc với Lê Quang G đặt vấn đề nhờ G giúp anh trai mình tại ngoại. G đồng ý, hẹn anh C đến nhà G đang thuê ở Trạm Viễn thông Bản Vẽ, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An để bàn bạc cụ thể. Tối cùng ngày, anh Hoàng Văn C nhờ anh Mông Văn Đ đưa đến nhà G như đã hẹn để nói chuyện. Tại đây, G nói với anh C và anh Đông là G quen biết anh Trần Phúc Tú – Trưởng Công an huyện Tương Dương và hứa hẹn với anh C sẽ lo cho anh Hoàng Văn P tại ngoại và nói anh C về chuẩn bị tiền. Sau đó anh C, anh Đông ra về.

Ngày 02/6/2019, Lê Quang G gọi điện thoại cho anh Hoàng Văn C và nói: “Anh đã hẹn được anh Tú - Trưởng Công an huyện Tương Dương rồi, em mang tiền vào để xin cho anh Phúc được tại ngoại”. Ngày 03/6/2019, anh Hoàng Văn C đến nhà G ở khu đô thị mới Cửa Tiền, thuộc phường Vinh T, thành phố V, tỉnh Nghệ An, G lấy xe ô tô chở anh C đến trước số nhà 59, đường Đội Cung, thuộc phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tại đây, G nói anh C đưa tiền cho G để G đi vào nhà anh Tú một mình. Anh C đưa cho G số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu ). G cầm tiền nói anh C ngồi chờ đó, rồi đi vào ngõ khoảng 15 phút sau quay ra nói với anh C: “Bây giờ họ chưa nhận tiền, em cứ để lại đây, khi nào họ cần anh đưa, giờ cứ về đi đã”, nên anh C đi về Thái Nguyên. Khoảng 10 ngày sau, G gọi điện cho anh C và nói số tiền anh C đưa mọi hôm chỉ có 140.000.000 đồng thôi (Một trăm bốn mươi triệu), thì

anh C có nói lại với G là để hôm nào gặp sẽ đưa thêm cho đủ. Sau một thời gian, anh C được biết anh trai Hoàng Văn P đã chuyển đến Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An giam giữ, nên gọi điện thoại cho G và hỏi: “Tại sao anh trai vẫn chưa được tại ngoại?” thì G hẹn anh C vào thành phố Vinh gặp G để nói chuyện cụ thể. Ngày 18/6/2019, anh C vào nhà G tại khu đô thị mới Cửa Tiền, phường Vinh T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Tại nhà G, anh C gặp G và Lê Thị V (vợ của G). Sau khi nghe anh C và G nói chuyện và biết việc G không xin được cho Hoàng Văn P tại ngoại, thì V nói mình quen biết nhiều người ở Công an tỉnh, nên giờ để V đứng ra lo cho và nói anh C về chuẩn bị thêm tiền, chứ 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu) không đủ đâu. V hứa với anh C sẽ xin được cho anh Phúc tại ngoại. Ngày 20/6/2019, Lê Thị V gọi điện thoại cho anh C và nói: “Bây giờ muốn anh trai tại ngoại phải hết 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng)”, anh C trả lời chỉ xoay được 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu) thôi, thì V đồng ý. Anh C nói với V: “Giờ em chỉ chuyển cho chị 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu) nữa là đủ”, V thống nhất. Ngày 21/6/2019, anh Hoàng Văn C đã chuyển số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu) qua tài khoản số 3617205058048, mang tên Lê Thị V mở tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Sau đó, V đã rút 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) tại Phòng giao dịch AGRIBANK tại chợ Vinh, thành phố Vinh và qua thẻ ATM. V hứa với anh C đúng ngày 10/7/2019 anh Hoàng Văn P sẽ được tại ngoại. Đến ngày hẹn, anh C không thấy anh Phúc được tại ngoại, nên đã liên lạc với Lê Thị V và Lê Quang G nhiều lần để đòi lại tiền nhưng không được. Khoảng một tuần sau, V liên lạc lại với anh C nói đợi thêm ít hôm nữa sẽ được tại ngoại vì đang trong quá trình điều tra. Ngày 15/8/2019, anh C cùng anh trai là Hoàng Văn Hiếu và anh rể là Hoàng Văn Bảy đến Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An để thăm gặp anh Hoàng Văn P, khi gặp nghe anh Phúc nói ở trong này khổ lắm cần ít đồ dùng và tiền lưu ký. Sau khi thăm gặp anh trai xong, anh C cùng anh Hiếu và anh Bảy cùng đến nhà V và G để nói chuyện. Anh C nói với V việc anh Phúc trong Trại tạm giam, V nói: “Có quen biết ông Giám đốc Trại tạm giam, để V lo cho anh Phúc chỗ ở tốt hơn”. Anh C tiếp tục đưa cho Lê Thị V số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu) để nhờ V lo sắp xếp buồng giam cho anh Phúc. Tuy nhiên, đến tận tháng 9/2019, anh C thấy anh Hoàng Văn P vẫn bị tạm giam mà không được tại ngoại, nên đã điện thoại cho V và G nhiều lần, để yêu cầu trả lại tiền nhưng V và G hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không trả. Ngày 13/11/2019, anh Hoàng Văn C viết đơn tố cáo đến cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Nghệ An.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 368/2019/HSST ngày ngày 17 tháng 8 năm

2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Thị V06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/12/2019.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Quang G 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/8/2020, bị cáo Lê Thị V làm đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 20/8/2020, bị cáo Lê Quang G làm đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị V và bị cáo Lê Quang G giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng b khoản 1 điều 355, điểm c, e khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo bị cáo Lê Quang G; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị V, sửa một phần Bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Lê Thị V; giữ nguyên hình phạt tù và cho bị cáo Lê Quang G được hưởng án treo.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Thị V 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/12/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Quang G 03 (Ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo Lê Thị V và bị cáo Lê Quang G không tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, bị cáo Lê Thị V chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo Lê Quang G đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của bị cáo Lê Thị V

và Lê Quang G làm trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị V và bị cáo Lê Quang G thấy:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để xác định: Vào tháng 5,6,7/2019, Lê Quang G và Lê Thị V đã chuyển giao, tiếp nhận ý chí của nhau, bằng thủ đoạn gian dối tự nhận mình có quan hệ quen biết với nhiều người làm tại Công an huyện Tương Dương, Công an tỉnh Nghệ An, hứa hẹn, tạo sự tin tưởng có thể xin tại ngoại cho anh Hoàng Văn P, trú ở xóm Bờ Tắc, xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, làm nghề khai thác vàng tại xã Yên Tĩnh, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, bị Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ” nhằm chiếm đoạt của anh Hoàng Văn C (Em trai của anh Hoàng Văn P) tổng số tiền 415.000.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu) để sử dụng vào mục đích cá nhân. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị V và bị cáo Lê Quang G đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy:

Hành vi của bị cáo Lê Thị V và bị cáo Lê Quang G là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến uy tín của các Cơ quan bảo vệ pháp luật, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo và xử phạt bị cáo Lê Thị V 06 (sáu) năm tù và Lê Quang G 03 (ba) năm tù là có căn cứ, tại phiên tòa các bị cáo không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của hai bị cáo.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Quang G thấy rằng: Lê Quang G trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Lê Quang G bố là thương binh, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba, bố và mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Thị V và Lê Quang G là vợ chồng, có 01 con chung là cháu Lê Như Mạnh Tân (sinh ngày 11/1/2006) thấy việc cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thì con của hai bị cáo sẽ không có người chăm sóc, nuôi

đường do đó chưa cần cách ly bị cáo Lê Quang G ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giáo dục bị cáo và tạo điều kiện cho bị cáo được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Như Mạnh Tân. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Quang G giữ nguyên hình phạt tù và cho bị cáo Lê Quang G được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Lê Quang G được chấp nhận nên không phải chịu án phí; kháng cáo Lê Thị V không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng a,b khoản 1 điều 355, Điều 356 điểm e khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị V; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang G giữ nguyên hình phạt tù và cho bị cáo Lê Quang G được hưởng án treo.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Thị V 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/12/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Quang G 03 (Ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Quang G cho Ủy ban nhân dân phường Vinh T, thành phố V, tỉnh Nghệ An quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Thị V phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo

Lê Quang G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND tp Vinh;
- Chi cục THADS tp Vinh;
- Công an thành phố Vinh;
- UBND phường Vinh Tân;
- Người tham gia tố tụng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu Hsơ, Toà hsự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hải Minh**